

Số: *118/KH-UBND*

Nam Định, ngày 12 tháng 12 năm 2017

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ dân số kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2017-2020 tỉnh Nam Định

Thực hiện Quyết định số 906/QĐ-BYT ngày 15/3/2017 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ DS-KHHGD cho vị thành niên, thanh niên (VTN/TN) giai đoạn 2016-2020; Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định xây dựng Kế hoạch thực hiện đề án, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đáp ứng nhu cầu thông tin và KHHGD của VTN/TN từ đó nâng cao kiến thức, kỹ năng và góp phần giảm tình trạng mang thai và phá thai ngoài ý muốn, nâng cao chất lượng dân số.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu 1: Tăng cường kiến thức, thái độ và kỹ năng thực hành của VTN/TN về chăm sóc SKSS/KHHGD

Phấn đấu đến hết năm 2020:

- 55% VTN/TN hiểu biết cơ bản về một số vấn đề DS-KHHGD như biện pháp tránh thai, tác hại của các bệnh lây truyền qua đường tình dục, lợi ích của tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân.
- 30% VTN/TN được tư vấn sức khỏe tiền hôn nhân.
- 100% cán bộ truyền thông tham gia Đề án được trang bị kiến thức, kỹ năng truyền thông, giáo dục đối với VTN/TN

2.2. Mục tiêu 2: Tăng cường cung cấp dịch vụ DS/SKSS/KHHGD cho VTN/TN

Phấn đấu đến hết năm 2020:

- Tăng tỷ lệ điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS thân thiện với người chưa thành niên và thanh niên lên trên 20% tổng số điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS.
- Giảm số người chưa thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn xuống 30%.

2.3. Mục tiêu 3: Đảm bảo môi trường gia đình, xã hội thân thiện đối với VTN/TN

Phấn đấu đến hết năm 2020:

- 85% cấp ủy Đảng, chính quyền có văn bản chỉ đạo tạo môi trường xã hội thân thiện, ủng hộ VTN/TN.

- 70% cha mẹ có con trong độ tuổi VTN/TN ủng hộ, hướng dẫn, hỗ trợ con cái chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ DS/KHHGD và tham gia các câu lạc bộ cha mẹ có con trong độ tuổi VTN/TN.

- 70% các trường THCS và THPT lồng ghép giáo dục giới tính, chăm sóc SKSS vào các môn học và sinh hoạt ngoại khóa.

III. THỜI GIAN, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi, địa bàn thực hiện

- Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Địa bàn triển khai: 10 huyện, thành phố.

2. Đối tượng

- Đối tượng thụ hưởng: VTN/TN đang sống, làm việc và học tập trên địa bàn tỉnh.

- Đối tượng tham gia:

+ Cán bộ dân số, y tế.

+ Cơ quan dân số, y tế.

+ Cấp ủy Đảng, chính quyền và ban, ngành, đoàn thể.

+ Gia đình, nhà trường, cộng đồng, xã hội.

3. Thời gian thực hiện Kế hoạch: Từ năm 2017 đến năm 2020

- Năm 2017: Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án và triển khai các hoạt động tại 45 xã của 10 huyện, thành phố.

- Năm 2018: Duy trì 45 xã đang triển khai năm 2017 và mở rộng thêm 55 xã.

- Năm 2019: Duy trì hoạt động tại 100 xã và mở rộng thêm tại 80 xã.

- Năm 2020: Duy trì hoạt động tại 180 xã và mở rộng thêm tại 49 xã.

IV. CÁC NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1. Hoạt động truyền thông giáo dục, chuyển đổi hành vi

- Chủ động lồng ghép các hoạt động truyền thông có hiệu quả cho VTN/TN trong hệ thống DS-KHHGD các cấp.

- Lồng ghép nội dung truyền thông DS-KHHGD cho VTN/TN vào các hoạt động thường xuyên của các ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở.

- Tăng cường truyền thông DS-KHHGD cho VTN/TN trên các chuyên trang, chuyên mục, bài viết, phóng sự, tin về VTN/TN trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh như: Báo, Đài PTTH, cổng thông tin điện của tỉnh, huyện, ngành. Đặc biệt ứng dụng sự đa dạng, nhanh nhạy của mạng xã hội Facebook, twitter, Instagram làm phương tiện truyền thông DS/SKSS/KHHGD cho VTN/TN phù hợp với xu thế phát triển hiện đại ngày nay.

2. Củng cố, hoàn thiện hệ thống cung cấp dịch vụ DS-KHHGD thân thiện với VTN/TN

- Tổ chức tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân cho VTN/TN, nam nữ trên địa bàn xã triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án 01 lần/năm đảm bảo chất lượng, thân thiện theo đúng quy định hiện hành.

- Mở rộng và hoàn thiện mạng lưới cung cấp dịch vụ DS/SKSS/KHHGD bao gồm tính sẵn có, an toàn, thuận tiện, thân thiện cho VTN/TN.

- Hướng dẫn tổ chức kinh doanh, hiệu thuốc, người bán lẻ và cán bộ dân số-y tế không phân biệt, bảo đảm bí mật, tính riêng tư khi cung cấp phương tiện tránh thai (PTTT), hàng hóa SKSS/KHHGD cho VTN/TN.

3. Xây dựng và thử nghiệm các mô hình truyền thông chuyên biệt

3.1. Truyền thông, cung cấp dịch vụ DS-KHHGD cho thanh niên tại các khu công nghiệp

Các hoạt động chính:

a. Xây dựng, hoàn thiện mạng lưới tuyên truyền viên về CSSKSS/KHHGD

+ Mục tiêu: Mỗi doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp có ít nhất 5 tuyên truyền viên về CSSKSS/KHHGD.

+ Đối tượng: Đại diện cán bộ y tế, bộ phận công đoàn hoặc phụ trách nhân sự trong các doanh nghiệp hoạt động tại khu công nghiệp.

+ Cách thức tiến hành: Chi cục DS-KHHGD tỉnh phối hợp khu công nghiệp, doanh nghiệp tổ chức xây dựng và triển khai hoạt động của mạng lưới, rà soát, bổ sung hoặc thay thế trong trường hợp tuyên truyền viên cũ đã lựa chọn không tiếp tục tham gia, triển khai công tác đào tạo mới (kiến thức và kỹ năng tuyên truyền vận động về CSSKSS/KHHGD).

b. Hoàn thiện các phòng tư vấn SKSS/KHHGD

+ Mục đích: Trên cơ sở cơ sở vật chất có sẵn của doanh nghiệp/khu công nghiệp bổ sung các trang thiết bị, dụng cụ, tài liệu để hoàn thiện, đẩy mạnh hoạt động, phát huy hiệu quả của các phòng tư vấn SKSS/KHHGD.

+ Cách thức tiến hành: Bổ sung trang thiết bị, cập nhật tài liệu phục vụ công tác tư vấn; xây dựng, hoàn thiện cơ chế phối hợp trong triển khai hoạt động phòng tư vấn.

c. Các hoạt động truyền thông

+ Nói chuyện chuyên đề trang bị kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân, người lao động tại các khu công nghiệp.

+ Lồng ghép các nội dung tuyên truyền thông qua các buổi họp tổ sản xuất, họp nhóm hoặc các hoạt động trong thời gian ăn trưa, đưa đón công nhân,... tại nhà máy, xí nghiệp.

+ Tổ chức tuyên truyền vận động lồng ghép cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và phương tiện tránh thai cho các đối tượng.

+ Bổ sung tài liệu tuyên truyền về nội dung chăm sóc SKSS/KHHGD.

+ Vận động các đối tượng là nhà quản lý: Cung cấp kiến thức cơ bản về các dịch vụ DS-KHHGD, SKSS và PTTT cho các đối tượng là chủ doanh nghiệp, các nhà quản lý để họ hiểu được lợi ích của mô hình đối với quá trình sản xuất,

kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó vận động được sự ủng hộ, chung tay của các đối tượng quản lý trong việc triển khai mô hình.

d. Nâng cao chất lượng dịch vụ CSSKSS/KHHGD tại khu công nghiệp

+ Tổ chức đào tạo các kỹ năng, kỹ thuật cơ bản cho y tế khu công nghiệp trong khả năng có thể đảm nhận thực hiện cung cấp những dịch vụ tối thiểu cho công tác CSSKSS/KHHGD như: Cấp phát, bán thuốc tránh thai tại chỗ, cấp phát và bán bao cao su, tổ chức đặt vòng, tiêm thuốc tránh thai tại doanh nghiệp, xí nghiệp,...

+ Lựa chọn triển khai cung cấp các dịch vụ CSSKSS và PTTT phù hợp với thực tế cơ sở vật chất, trang thiết bị, chuyên môn của y tế khu công nghiệp và mức thu nhập của công nhân.

+ Tăng cường các dịch vụ CSSKSS/KHHGD có chất lượng tại các cơ sở y tế nhà nước và tư nhân trên địa bàn để có thể đáp ứng được nhu cầu của công nhân.

+ Nâng cao năng lực chuyên môn, chất lượng chẩn đoán của các cơ sở cung cấp dịch vụ trên địa bàn, đặc biệt là đối với các dịch vụ liên quan đến can thiệp như: Phá thai, cấy thuốc tránh thai, khám điều trị bệnh phụ khoa, bệnh nhiễm khuẩn và lây truyền qua đường tình dục, khám và điều trị vô sinh để qua đó công nhân có thể hưởng các dịch vụ CSSKSS/KHHGD ngay tại nơi mình sinh sống nhằm giảm chi phí hàng tháng cho công nhân.

e. Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác dân số/y tế tại khu công nghiệp

+ Tổ chức tập huấn cho cán bộ y tế khu công nghiệp về các nội dung của SKSS/KHHGD. Lấy cán bộ y tế làm trọng tâm kết hợp với đào tạo có trọng điểm cộng tác viên dân số là công nhân tại các phân xưởng. Ưu tiên lựa chọn cộng tác viên là trưởng phân xưởng hoặc trưởng dây chuyền sản xuất. Thông qua cán bộ y tế khu công nghiệp và cộng tác viên để nhân rộng tuyên truyền cho công nhân công ty, nhà máy, phân xưởng.

+ Phát huy vai trò tích cực chủ động của cán bộ và cộng tác viên dân số địa phương có khu công nghiệp và công nhân đang sinh sống. Đào tạo bổ sung cán bộ dân số, phân công cán bộ phụ trách công tác DS-KHHGD tại khu công nghiệp. Cán bộ dân số địa phương cần bám sát và có những thông tin cụ thể về nhận thức và nhu cầu của công nhân về CSSKSS và PTTT. Kịp thời phát hiện và đề xuất với cơ quan dân số cấp trên về tình hình SKSS/KHHGD của công nhân các khu công nghiệp.

+ Có chế độ đãi ngộ với cán bộ, công nhân tham gia vào các hoạt động CSSKSS/KHHGD tại khu công nghiệp.

+ Cần có sự chỉ đạo và liên hệ chặt chẽ giữa y tế khu công nghiệp với y tế địa phương trong việc tìm hiểu nhận thức, nhu cầu của công nhân cũng như tổ chức tuyên truyền và cung cấp dịch vụ cho công nhân.

f. Cung cấp phương tiện tránh thai cho các đối tượng

+ Mục đích: Phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục trong đó bao gồm HIV/AIDS và phòng tránh mang thai ngoài ý muốn.

+ Cách thức tiến hành: Chi cục DS-KHHGD tỉnh phối hợp với phòng khám khu công nghiệp và các đơn vị y tế trên địa bàn tổ chức cung cấp các phương tiện tránh thai cho công nhân.

3.2. Truyền thông về DS/SKSS/KHHGD cho VTN/TN trong nhà trường

Các hoạt động chính:

a. Lồng ghép nội dung giáo dục giới tính, bình đẳng giới, DS-KHHGD vào các môn học, cấp học.

b. Hỗ trợ xây dựng và duy trì chuyên trang, chuyên mục về giáo dục giới tính, bình đẳng giới, DS-KHHGD trên website hoặc trang facebook của nhà trường.

c. Xây dựng và duy trì các “góc thân thiện” trong nhà trường, góc thân thiện có thể được thực hiện dưới 2 hình thức.

- Góc thân thiện đặt tại thư viện hoặc phòng sinh hoạt chung: Cung cấp các tài liệu về giáo dục giới tính, hôn nhân-gia đình, các kiến thức về DS-KHHGD, chăm sóc SKSS.

- Góc thân thiện online: Ngoài việc cung cấp các tài liệu liên quan đến DS-KHHGD, góc thân thiện online còn có thể giải đáp trực tiếp các thắc mắc của học sinh đảm bảo sự thân thiện, kín đáo và hiệu quả.

d. Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tư vấn, tuyên truyền về DS-KHHGD cho đội ngũ giáo viên trong trường.

e. Tổ chức cuộc thi tìm hiểu kiến thức về các vấn đề DS-KHHGD online (thông qua website hoặc trang facebook của nhà trường) hoặc tổ chức dưới dạng các cuộc thi, hội diễn,...

V. CÁC GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác DS-KHHGD cho VTN/TN. Coi công tác này là một nội dung trọng tâm trong các chương trình, kế hoạch thường xuyên của cấp ủy Đảng, chính quyền.

2. Tạo môi trường gia đình, xã hội thân thiện

- Tham mưu với các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo đối với các hoạt động của Đề án nói riêng cũng như đối với VTN/TN nói chung.

- Cung cấp thông tin, vận động, huy động các chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng tham gia truyền thông DS-KHHGD, thay đổi quan niệm không tích cực đối với VTN/TN, ủng hộ VTN/TN được chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và kỹ năng thực hiện các dịch vụ DS-KHHGD và giáo dục lối sống lành mạnh cho VTN/TN.

- Cung cấp thông tin, truyền thông cho các bậc cha mẹ, ông bà, anh chị của VTN/TN về lợi ích việc đảm bảo cho VTN/TN được chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và kỹ năng thực hiện các dịch vụ DS-KHHGD.

- Cung cấp thông tin và vận động các tổ chức xã hội, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện các biện pháp đảm bảo cho VTN/TN được chủ động tìm hiểu thông

tin, kiến thức, thực hiện dịch vụ DS-KHHGD; tham gia công tác truyền thông, cung cấp dịch vụ trong khả năng cho phép.

- Tăng cường xã hội hóa trong việc cung cấp các dịch vụ DS-KHHGD cho VTN/TN. Đề xuất xây dựng các cơ chế tiếp thị xã hội, cơ chế thị trường, cơ chế huy động nguồn lực nhằm huy động sự đóng góp của VTN/TN, giảm bớt áp lực đối với ngân sách Nhà nước, xác nhận điểm cung cấp dịch vụ thân thiện đối với VTN/TN...

3. Hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ

- Hội thảo với các nhà quản lý về thực trạng và biện pháp nâng cao năng lực cho VTN/TN, các nhà tổ chức và cán bộ truyền thông các cấp, các đơn vị và người cung cấp dịch vụ DS-KHHGD các cấp; cơ chế, chính sách, biện pháp xã hội hóa công tác truyền thông, cung cấp dịch vụ và trợ giúp VTN/TN chủ động thực hiện các hành vi có lợi về DS-KHHGD.

- Tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ truyền thông, tư vấn của hệ thống DS-KHHGD các cấp về kiến thức, kỹ năng truyền thông, tư vấn và đặc điểm phát triển tâm sinh lý, thể chất của lứa tuổi VTN/TN; kỹ năng làm việc với VTN/TN.

- Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cập nhật về chuyên môn, kỹ thuật về tầm soát dị tật bẩm sinh; nhu cầu và tâm sinh lý VTN/TN; kỹ năng làm việc với VTN/TN cho những người thường xuyên cung cấp dịch vụ tầm soát dị tật bẩm sinh và cán bộ điều hành chuyên môn. Đào tạo chuyên biệt người cung cấp dịch vụ để làm việc với VTN/TN.

- Đào tạo, tập huấn trang bị kiến thức về tâm lý, đặc điểm phát triển sinh lý, thể chất của VTN/TN; các kỹ năng truyền thông, tư vấn đối với VTN/TN; chính sách pháp luật DS-KHHGD đối với VTN/TN; các quy định chuyên môn, quy trình thực hiện dịch vụ DS-KHHGD.

4. Tổ chức thực hiện các nghiên cứu, đánh giá tác nghiệp

- Nghiên cứu, đánh giá về nhu cầu của VTN/TN và mức độ chấp nhận của VTN/TN đối với việc cung cấp thông tin, truyền thông và cung cấp dịch vụ DS-KHHGD thân thiện.

- Nghiên cứu về tác động của giáo dục đồng đẳng, sinh hoạt câu lạc bộ, xây dựng góc thân thiện, việc trao đổi giữa cha mẹ và con cái, tương tác giữa giáo viên và học sinh, giữa cán bộ đoàn thanh niên với VTN/TN.

- Nghiên cứu về việc phối hợp và cơ chế phối hợp trong việc truyền thông, tư vấn, cung cấp dịch vụ kỹ thuật; trong quản lý và điều hành tổ chức thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, hoạt động về DS-KHHGD đối với VTN/TN.

5. Cơ chế quản lý điều hành

- Tăng cường phối hợp liên ngành, đặc biệt với các ngành đoàn thể: Sở Y tế, Sở Giáo dục và đào tạo, Liên đoàn lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tỉnh đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh...

- Đẩy mạnh công tác thu thập thông tin, khảo sát đánh giá đầu vào, đầu ra nhằm so sánh các chỉ tiêu, chỉ báo, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch vào năm 2020.

- Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ DS/SKSS/KHHGD cho VTN/TN.

- Thống nhất công tác chỉ đạo từ tỉnh xuống cơ sở trong quản lý chuyên môn nghiệp vụ thực hiện Kế hoạch về thống kê, báo cáo, kiểm tra, giám sát, tổ chức hội nghị sơ kết hàng năm và hội nghị tổng kết Kế hoạch vào năm 2020.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện các hoạt động của Kế hoạch triển khai đề án trên địa bàn tỉnh được cân đối, bố trí trong dự toán, ngân sách hàng năm và được huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế :

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan và UBND các huyện, thành phố tham mưu đề xuất triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch này đảm bảo hiệu quả. Hàng năm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính lập dự toán, phân bổ kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn toàn tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Chỉ đạo Chi cục Dân số-KHHGD và các đơn vị trong ngành hướng dẫn, triển khai đồng bộ các hoạt động của Kế hoạch từ tỉnh tới cơ sở.

- Sở Y tế (Chi cục Dân số-KHHGD) là cơ quan đầu mối theo dõi, giám sát và đôn đốc, kiểm tra thực hiện Kế hoạch. Định kỳ phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất các biện pháp để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế (Tổng cục Dân số-KHHGD). Chủ trì tham mưu tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch vào năm 2020.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính:

Phối hợp Sở Y tế phân bổ và giao chỉ tiêu kinh phí Chương trình mục tiêu Y tế-Dân số hàng năm theo kế hoạch; đồng thời cân đối bố trí kinh phí địa phương và nguồn vốn huy động hợp pháp khác để bảo đảm thực hiện Kế hoạch. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động của Kế hoạch theo quy định của Nhà nước.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Lồng ghép giáo dục giới tính, bình đẳng giới, dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản/KHHGD vào môn học, cấp học và chương trình giảng dạy ngoại khóa trong nhà trường. Xây dựng và duy trì chuyên trang, chuyên mục về giáo dục giới tính, bình đẳng giới, DS-KHHGD trên trang website của nhà trường.

- Phối hợp với Sở Y tế triển khai các hoạt động Mô hình truyền thông về dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản/KHHGD cho VTN/TN trong nhà trường và các hoạt động khác theo Kế hoạch.

4. Sở Thông tin và Truyền thông:

Phối hợp với Sở Y tế (Chi cục Dân số-KHHGD) đẩy mạnh các hoạt động thông tin, truyền thông lồng ghép các chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, DS-KHHGD và chăm sóc sức khỏe sinh sản VTN/TN.

5. Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh

- Phối hợp với Sở Y tế (Chi cục Dân số-KHHGD) tổ chức triển khai các hoạt động có liên quan trong kế hoạch thuộc phạm vi, đối tượng quản lý. Phối hợp triển khai Mô hình truyền thông cung cấp dịch vụ dân số-KHHGD cho thanh niên tại các khu công nghiệp.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông giáo dục, tư vấn kiến thức dân số, sức khỏe sinh sản/KHHGD cho đối tượng VTN/TN là đoàn viên, hội viên và người lao động lồng ghép trong kế hoạch hoạt động hàng năm của tổ chức mình.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Trên cơ sở nội dung Kế hoạch này, UBND các huyện, thành phố cụ thể hóa và triển khai Kế hoạch tại địa phương; bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách cấp huyện để đảm bảo thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Y tế (Chi cục Dân số-KHHGD) triển khai thực hiện tốt các nội dung hoạt động của Kế hoạch; đồng thời chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, phường, thị trấn triển khai có hiệu quả Kế hoạch trên địa bàn.

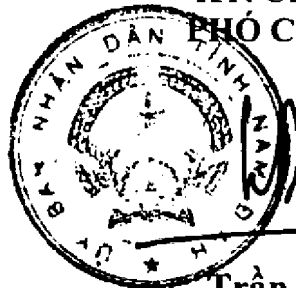
- Tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu và nội dung của Kế hoạch tại địa phương. Tổ chức đánh giá tiến độ, kết quả triển khai thực hiện tại địa phương; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế (Chi cục Dân số-KHHGD) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ DS-KHHGD cho VTN/TN giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Nam Định, yêu cầu Giám đốc các sở, thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế, Tổng cục DS-KHHGD;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website của tỉnh;
- Chi cục DS-KHHGD;
- Lưu VP1, VP7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Lê Đoài